

Số: 16 /2011/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức giảm giá vé tham quan, giá dịch vụ;
trợ cấp xã hội; mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18/02/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại tờ trình số 11/TTr-LĐT BXH ngày 22/3/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giảm giá vé tham quan, giá dịch vụ; trợ cấp xã hội; mừng thọ người cao tuổi (là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

1. Giảm giá vé tham quan, giá dịch vụ tại các cơ sở do nhà nước quản lý:

Giảm 50% giá vé, giá dịch vụ cho người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng khi đi tham quan di tích văn hóa, lịch sử, bảo tàng, danh lam thắng cảnh; tham gia tập luyện thể dục, thể thao tại các cơ sở do nhà nước quản lý có bán vé hoặc thu phí dịch vụ.

Người cao tuổi mang theo chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người cao tuổi để được giảm giá vé, giá dịch vụ theo qui định này.

2. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng:

a) Mức 240.000 đồng/người/tháng đối với người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng;

b) Mức 360.000 đồng/người/tháng đối với người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng;

c) Mức 240.000 đồng/người/tháng đối với người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện qui định tại điểm a và b, khoản 2 điều này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng;

d) Mức 360.000 đồng/người/tháng đối với người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, có nguyện vọng và được tiếp nhận vào nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội;

đ) Mức 360.000 đồng/người/tháng đối với người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng;

e) Đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội tại điểm d và đ, khoản 2 điều này được hưởng bảo hiểm y tế như người cao tuổi ở cộng đồng và hỗ trợ chi phí mai táng khi chết là 3.000.000 đồng.

Trường hợp người cao tuổi thuộc diện hưởng các mức trợ cấp xã hội hàng tháng khác nhau quy định tại điểm a, b, c, d, đ và e, khoản 2 điều này thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Thời gian hưởng mức trợ cấp của người cao tuổi quy định tại điểm d và đ, khoản 2 điều này được tính từ ngày ghi trong quyết định của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Mức quà tặng mừng thọ người cao tuổi:

a) Người cao tuổi thọ 70, 75 tuổi được chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 100.000 đồng và 100.000 đồng tiền mặt;

b) Người cao tuổi thọ 80, 85 tuổi được chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 100.000 đồng và 200.000 đồng tiền mặt;

c) Người cao tuổi thọ 90, 95 tuổi được chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 200.000 đồng và 300.000 đồng tiền mặt;

d) Hàng năm, người cao tuổi thọ trên 100 tuổi được chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 200.000 đồng và 300.000 đồng tiền mặt.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

2. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương và được cân đối trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho các huyện, thành phố để thực hiện theo quy định tại điều 1 của Quyết định này.

3. Các nội dung không quy định cụ thể tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Hội Người cao tuổi tỉnh Lâm Đồng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ, Website CP;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Các Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Hội Người cao tuổi Việt Nam;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp;
- Như điều 3; Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX₃, TKCT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Hòa